

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 88/2018/HS-ST

Ngày 08-11-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trúc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Võ Ngọc Các**

2. Ông **Hà Hữu Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Văn Như là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Ánh Hồng** - Kiểm sát viên.*

Ngày 08 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 77/2018/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXXHS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2018 đối với bị cáo:

1/. **Danh Thị Ngọc T.** Sinh ngày 18 tháng 03 năm 1994; Nơi sinh: Sóc Trăng; Đăng ký thường trú: đường P, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nữ. Dân tộc: Khmer; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: buôn bán. Con ông: Danh S; sinh năm: 1958 và bà: Lý Thị L, sinh năm: 1954. Chồng: Trần Minh H; sinh năm: 1991. Con: có 01 người con sinh năm 2013. Anh, chị em ruột: 05 người, lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất là bị cáo; Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 08 năm 2018 và chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

2/. **Lê Văn H.** Sinh ngày 17 tháng 06 năm 1998; Nơi sinh: Sóc Trăng; Đăng ký thường trú: ấp T, xã Tr, huyện L, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam. Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không. Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: không. Con ông Lê Văn Ph; sinh năm: 1963 và bà Phan Thị C, sinh năm: 1962. Anh, chị em ruột: 02 người, lớn sinh năm 1991, nhỏ là bị cáo.

Tiền án: không. Tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 08 năm 2018 và chuyển sang tạm giam cho đến nay. (có mặt)

- *Người bị hại:* Bà **Hứa Thị Phương Th**, sinh năm 1993; Địa chỉ: đường M, khóm C, phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Lê Văn Th1**, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp T, xã Tr, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

2. Ông **Tăng Hoàng N**, sinh năm 1985; Địa chỉ: đường L, Khóm E, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

- *Người làm chứng:* Ông **Lê Văn Ph**, sinh năm 1963; Địa chỉ: ấp T, xã Tr, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Danh Thị Ngọc T và Lê Văn H có mối quan hệ tình cảm yêu thương trai gái với nhau, cả hai đều không có nghề nghiệp ổn định, để có tiền tiêu xài cá nhân, T và H đã thỏa thuận với nhau đi tìm tài sản của người khác để cướp giật bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, cụ thể như sau:

Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 08 năm 2018, T và H đi ăn tại quán trên đường Phú Lợi, Phường 2, thành phố Sóc Trăng. Tại đây T rủ H điều khiển xe mô tô mang biển số 83FC-6975 đi tìm tài sản của người khác để cướp giật, thì H đồng ý. Lúc này T điều khiển xe mô tô chở H ngồi phía sau, đi xung quanh các tuyến đường trong thành phố Sóc Trăng để tìm tài sản, sau đó đi qua đường P, phường D, thành phố Sóc Trăng, theo hướng từ thành phố Sóc Trăng về xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng, khi T và H điều khiển xe qua khỏi nhà máy gạch Sóc Trăng khoảng 200 mét, T phát hiện chị Hứa Thị Phương Th điều khiển xe mô tô hiệu Airbale, màu đỏ - đen, mang biển số 83P1-353.71 đi theo chiều ngược lại, trên tay đang cầm điện thoại hiệu Iphone 6S, màu vàng gold để nghe. T nhìn thấy và nói với H “có điện thoại bên đó kìa” lúc này H nói với T “chạy từ từ thôi”, thì T điều khiển xe chạy quay đầu lại cùng chiều với xe chị Th đang di chuyển, T điều khiển xe mô tô tăng ga chạy vượt lên phía bên trái xe của chị Th, H ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy điện thoại di động của chị Th đang cầm nghe điện thoại. Sau khi giật lấy điện thoại xong H thông báo cho T biết là giật được điện thoại rồi, lúc này T điều khiển xe tăng ga bỏ chạy và chị Th cũng điều khiển xe đuổi theo phía sau xe của T và H đồng

thời truy hô “cướp, cướp” và nhìn thấy được biển số xe mô tô của T và H, chị Th điều khiển xe đuổi theo đến ngã tư đường P và đường C, phường D, thành phố S, thì T điều khiển xe chạy rẽ vào đường C chạy về phía phường N, thành phố S, chị Th dừng xe lại và không đuổi theo mà đi đến Công an phường T, thành phố S trình báo sự việc. Sau khi giật điện thoại xong T và H chạy đến nhà nghỉ Mừng Vui, tại đường Hồ Nước Ngọt thuê phòng nghỉ tại đây. Đến khoảng 10 giờ 00 phút, ngày 05 tháng 8 năm 2018, T và H đem điện thoại cướp giật được đi đến tiệm điện thoại di động Hoàng Ninh, tại đường L, phường B, thành phố S bán cho anh Tăng Hoàng N với giá 800.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 43 ngày 15 tháng 03 năm 2018 kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu vàng gold đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại 85%, với số tiền là 10.616.500 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 78/CT-VKS.TPST ngày 08 tháng 10 năm 2018 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Danh Thị Ngọc T và Lê Văn H về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại tòa, các bị cáo thừa nhận cáo trạng truy tố đúng với hành vi các bị cáo thực hiện, xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị tuyên bố các bị cáo Danh Thị Ngọc T và Lê Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”; Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm h,s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Danh Thị Ngọc T và bị cáo Lê Văn H; đề nghị xử phạt mỗi bị cáo **từ** 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù;

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Hứa Thị Phương Th đã nhận lại được tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo khoác màu đen, phía sau có dòng chữ adidas, đã qua sử dụng; 01 (một) cái nón kết màu đỏ, phía trước có chữ GUCCI, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng;

Trả lại cho bị cáo H: 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo khoác màu đen, phía sau có dòng chữ adidas, đã qua sử dụng;

Trả lại cho ông Lê Văn Th1: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển số 83FC-6975, màu đỏ;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Đối với việc vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Tăng Hoàng N đã có lời khai làm rõ trong hồ sơ vụ án, không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với người này.

[3]. Tại phiên tòa các bị cáo Danh Thị Ngọc T và Lê Văn H khai nhận: Vào khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 04 tháng 08 năm 2018, bị cáo Danh Thị Ngọc T rủ bị cáo H điều khiển xe mô tô mang biển số 83FC-6975 đi tìm tài sản của người khác để cướp giật, thì H đồng ý. Bị cáo T điều khiển xe mô tô chở bị cáo H trên đường P, phường T, thành phố S hướng về Long Phú thì bị cáo T phát hiện người bị hại Th điều khiển xe mô tô đi theo chiều ngược lại, trên tay đang cầm điện thoại di động. Bị cáo T điều khiển xe mô tô quay ngược lại tăng ga chạy vượt lên phía bên trái xe của người bị hại Th, bị cáo H ngồi phía sau dùng tay phải giật lấy điện thoại di động của bị hại Th, bị cáo T điều khiển xe tăng ga tẩu thoát. Đến ngày 05/8/2018 bị cáo T bán điện thoại cho cửa hàng điện thoại Hoàng Vinh được 800.000 đồng chia nhau tiêu xài cá nhân. Qua định giá tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 6S, màu vàng gold của bị hại Hứa Thị Phương Th có giá trị là 10.616.500 đồng

Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, các chứng cứ và tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định các bị cáo sử dụng xe mô tô điều khiển lưu thông trên đường nhanh chóng giật lấy tài sản của người bị hại là dùng thủ đoạn nguy hiểm, hành vi của các bị cáo có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người khác. Từ hành vi và hậu quả mà các bị cáo gây ra đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ

sung năm 2017), vì vậy cáo trạng truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công chặt chẽ vai trò cụ thể cho từng người nên không mang tính tổ chức mà thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Danh Thị Ngọc T là người khởi xướng rủ rê và trực tiếp điều khiển xe mô tô chở bị cáo H thực hiện hành vi chiếm đoạt rồi nhanh chóng tẩu thoát; Đối với bị cáo Lê Văn H là người thực hành tích cực, trực tiếp giật lấy tài sản của người bị hại.

[4]. Xét về tình tiết tăng nặng: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5]. Xét về tình tiết giảm nhẹ: trước khi phạm tội các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo; Tài sản kịp thời thu hồi trả lại cho người bị hại nên gây thiệt không lớn. Bị cáo T và bị cáo H đã tác động ông Lê Văn Th1 bồi thường số tiền 800.000 đồng cho người mua điện thoại; Bị cáo T là người dân tộc Khmer; Tại phiên tòa, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo có ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tăng Hoàng N và Lê Văn Th1 không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7]. Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Đối với tài sản của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho các bị cáo:

Trả lại cho bị cáo T: 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo khoác màu đen, phía sau có dòng chữ adidas, đã qua sử dụng; 01 (một) cái nón kết màu đỏ, phía trước có chữ GUCCI, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng;

Trả lại cho bị cáo H: 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo khoác màu đen, phía sau có dòng chữ adidas, đã qua sử dụng;

Đối với chiếc xe mô tô mang biển số 83FC – 6975, màu đỏ là tài sản của ông Lê Văn Th1, bị cáo H dùng làm phương tiện phạm tội, ông Th1 không biết nên cần trả lại cho ông Lê Văn Th1.

[8]. Đối với ông Tăng Hoàng N là chủ cửa hàng điện thoại Hoàng Ninh khi mua điện thoại của bị cáo Thành, ông N không biết tài sản trên do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[9]. Xét lời đề nghị của kiểm sát viên về việc áp dụng pháp luật là có căn cứ, tuy nhiên về tình tiết giảm nhẹ do các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt, bị cáo T là người có vai trò chính trong vụ án, lẽ ra phải xử bị cáo ở mức hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo H, tuy nhiên bị cáo T là người dân tộc khmer, tài sản chiếm đoạt được các bị cáo tiêu xài chung nên cần xử phạt các bị cáo ở mức khởi điểm như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả và hành vi mà các bị cáo gây ra, đủ tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[10]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu án phí là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d Khoản 2 Điều 171; điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Danh Thị Ngọc T và bị cáo Lê Văn H;

Tuyên bố: Các bị cáo Danh Thị Ngọc T và Lê Văn H phạm tội “Cướp giật tài sản”;

1. Xử phạt bị cáo Danh Thị Ngọc T **02 (hai) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 8 năm 2018.

2. Xử phạt bị cáo Lê Văn H **02 (hai) năm** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09 tháng 8 năm 2018.

3. Trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Danh Thị Ngọc T: 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo khoác màu đen, phía sau có dòng chữ adidas, đã qua sử dụng; 01 (một) cái nón kết màu đỏ, phía trước có chữ GUCCI, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu trắng;

Trả lại cho bị cáo Lê Văn H: 01 (một) cái nón bảo hiểm màu xanh đã qua sử dụng; 01 (một) cái áo khoác màu đen, phía sau có dòng chữ adidas, đã qua sử dụng;

Trả lại cho ông Lê Văn Th1: 01 (một) chiếc xe mô tô mang biển số 83FC-6975, màu đỏ;

5. Về án phí: áp dụng Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được kháng cáo t rong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Sóc Trăng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Cơ quan thi hành án hình sự CATP Sóc Trăng;
- Chi Cục thi hành án dân sự TP. Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Người bị hại; Người có QL,NV liên quan;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Trúc Phương